

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm Quyết định số 37B/QĐ-ĐV ngày 19 tháng 9 năm 2020 của
Hiệu trưởng Trường Trung cấp Đại Việt TP Hồ Chí Minh)*

Tên ngành, nghề: Dược

Mã ngành, nghề: 5720201

Trình độ đào tạo: Trung cấp chuyên nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông Quốc gia tham gia dự tuyển, xét tuyển vào trường Trung Cấp Đại Việt Tp. Hồ Chí Minh theo qui định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và theo đề án tuyển sinh riêng của trường.

Thời gian đào tạo: 2 năm (4 học kỳ)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Nghề Dược trình độ trung cấp là nghề liên quan tới thuốc và có ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe, tính mạng của con người. Các công việc chủ yếu được thực hiện tại các phòng thí nghiệm của các cơ sở đào tạo, nghiên cứu; viện, trung tâm, phòng kiểm nghiệm; các công ty dược, nhà thuốc, quầy thuốc, kho thuốc; bộ phận dược của các cơ sở y tế như bệnh viện các tuyến, trung tâm y tế, trạm y tế, phòng khám chữa bệnh...,

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về Kiến thức:

Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản của các môn cơ sở phù hợp với nghề đào tạo: y học cơ sở, hóa học (định tính, định lượng), thực vật vào chuyên môn dược;

- Mô tả được vị trí, vai trò, chức năng của lĩnh vực Dược trong hệ thống y tế Việt Nam;

- Trình bày và vận dụng được một số nội dung cơ bản của Luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hành nghề dược;

- Trình bày được tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định chính của các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm trong Danh mục thuốc thiết yếu;

- Trình bày được tên Việt Nam, tên khoa học, bộ phận dùng, cách thu hái, chế biến sơ bộ, thành phần hóa học chính, công dụng, cách dùng của 80 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu;

- Phân biệt được các dạng bào chế và hướng dẫn sử dụng các dạng bào chế;
- Mô tả được quy trình sản xuất các dạng thuốc quy ước (thuốc bột, thuốc cốm, viên nén, viên nang, thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc nhỏ mắt, thuốc tiêm);
- Trình bày quy định lấy mẫu, lưu mẫu kiểm nghiệm; hủy mẫu kiểm nghiệm;
- Liệt kê được các chỉ tiêu và mô tả được phương pháp thử trong kiểm nghiệm các dạng bào chế quy ước và nguyên liệu làm thuốc.
- Trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế;
- Trình bày các quy định về sắp xếp, bảo quản thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế;
- Trình bày và vận dụng được các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt (bao gồm: GMP, GSP, GPP, GLP) trong thực hành nghề nghiệp;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Về Kỹ năng:

Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, bệnh nhân và cộng đồng;

- Tìm kiếm, thu thập, xử lý thông tin, viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán với ngôn ngữ, cách thức và thời lượng phù hợp;
- Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm và 80 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu;
- Pha chế, sản xuất một số dạng thuốc, thực phẩm chức năng theo nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP;
- Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác kiểm nghiệm thuốc, hóa chất, nguyên liệu thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm;
- Lấy mẫu kiểm nghiệm theo đúng quy định;
- Pha chế được một số dung dịch chuẩn, dung dịch gốc, thuốc thử đúng quy định;
- Kiểm nghiệm được một số dạng thuốc thông thường theo tiêu chuẩn Dược Điển;
- Thực hiện được các công việc bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ thiết bị cơ bản trong sản xuất, kiểm nghiệm, bảo quản;
- Chẩn đoán được những bệnh thông thường dựa vào quá trình khai thác thông tin liên quan đến sức khỏe của bệnh nhân;
- Xác định được các tình huống cần tư vấn của dược sỹ hoặc bác sỹ;
- Tư vấn, lựa chọn, lấy hàng, ra lẻ, tính tiền, nhận tiền và hướng dẫn sử dụng được các thuốc cơ bản đảm bảo an toàn-hiệu quả-hợp lý

- Sắp xếp, trưng bày, bảo quản thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy định
- Mua, nhập và kiểm soát chất lượng thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy trình;
- Giao, gửi thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế theo đúng quy định;
- Kiểm tra, kiểm soát thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế về số lượng, chất lượng và hạn sử dụng;
- Lập kế hoạch cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, hóa chất, nguyên liệu, vật tư y tế tiêu hao;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

Tuân thủ các nguyên tắc, qui trình thao tác chuẩn (SOP), GPs và ISO trong lĩnh vực dược phẩm;

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị;
- Chịu trách nhiệm về công việc được giao trong kiểm nghiệm, bảo quản, sản xuất, mua bán, vận chuyển, cấp phát, hướng dẫn sử dụng thuốc – mỹ phẩm – thực phẩm;
- Có tác phong công nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao;
- Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm;
- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo qui định của pháp luật, trung thực, khách quan; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;
- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh..

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Sản xuất thuốc;
- Kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm;
- Đảm bảo chất lượng;
- Thực hiện công tác kho dược và vật tư y tế;

- Bán lẻ thuốc;
- Thực hiện công tác dược tại cơ sở y tế.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Dược trình độ trung cấp có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học	: 21 môn học
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học	: 58 ĐVHT
- Khối lượng các môn học chung /đại cương	: 180 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn	: 1530 giờ
- Khối lượng lý thuyết	: 309 giờ
- Khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm	: 1318 giờ
- Giờ kiểm tra/thi	: 83 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã môn	Môn học	Số ĐVHT	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	LT	TH,TN,B T, TL	KT/ Thi
I.	Các môn học chung/đại cương					
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật đại cương	1	15	9	5	1
MH 03	Tiếng Anh căn bản	4	90	30	56	4
MH 04	Tin học đại cương	2	45	15	29	1
MH 05	Giáo dục Thể chất		30	4	24	2
MH 06	Giáo dục Quốc phòng An ninh		45	21	21	3
Tổng		9	180	69	103	8
II.	Các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành					
1.	Các môn cơ sở					
MH 07	Viết đọc tên thuốc	3	75	15	55	5
MH 08	Thực vật dược	3	75	15	55	5

Mã môn	Môn học	Số ĐVHT	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	LT	TH, TN, B T, TL	KT/ Thi
MH 09	Hóa phân tích	4	90	30	55	5
MH 10	Y học cơ sở	2	45	15	25	5
MH 11	Tổ chức và quản lý y tế	2	45	15	25	5
MH 12	Kỹ năng giao tiếp và tư vấn dược	2	45	15	25	5
Tổng		16	375	105	240	30
2.	Môn học chuyên môn ngành					
MH 13	Dược liệu	3	75	15	55	5
MH 14	Hóa dược – dược lý	5	120	30	85	5
MH 15	Bào chế	4	90	30	55	5
MH 16	Quản lý dược và marketing dược	3	75	15	55	5
MH 17	Dược lâm sàng	3	75	15	55	5
MH 18	Kiểm nghiệm thuốc	3	75	15	55	5
MH 19	Bảo quản thuốc – dụng cụ y tế	2	45	15	25	5
MH 20	Thực tập nghề nghiệp	5	300	0	290	10
MH 21	Thực tập tốt nghiệp	5	300	0	300	0
Tổng		33	1155	135	975	45
TỔNG CỘNG TOÀN KHOÁ		58	1710	309	1318	83
III.	Thi tốt nghiệp					
TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi	Ghi chú		
1	Giáo dục chính trị	Viết	120 phút			
2	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Viết	120 phút			
3	Thực hành nghề nghiệp	Thực hành	Từ 20-30 phút/HS			

Ngoài việc thực hiện chương trình trên, Nhà trường tổ chức giảng dạy các môn kỹ năng mềm chuẩn đầu ra theo quy định của Nhà trường, phù hợp theo từng ngành cụ thể.

4. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

4.1. Các môn học chung nhà trường

Thực hiện theo quy định của Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

4.2. Xác định nội dung và thời gian dành cho khóa học

* Về giờ học:

- | | | |
|--|---|----------|
| - 1 tiết học lý thuyết | = | 45 phút |
| - 1 tiết học thực hành/tích hợp/TT lâm sàng | = | 60 phút |
| - 1 tín chỉ lý thuyết | = | 15 tiết |
| - 1 tín chỉ thực hành (tại phòng thực hành, thảo luận,...) | = | 30 tiết. |

Một ngày học thực hành/ tích hợp không quá 8 giờ. Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ. Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/ tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

* Tổ chức dạy/ học lý thuyết và thực hành cơ bản/ cơ sở được tiến hành tại trường, thực tập thực tế ngành được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.

* Những nội dung khác thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 Quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi xét, công nhận tốt nghiệp của Bộ trưởng Bộ lao động Thương binh và Xã hội.

* Sau mỗi hai năm học hoặc sau mỗi khóa học, Trường sẽ lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực được do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh đề cương chi tiết môn học/ học phần.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra và cách tính điểm

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo người Dược sỹ, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả dạy học sẽ chuyển từ kiểm tra đánh giá lĩnh hội khái niệm sang kiểm tra đánh giá quá trình nhận thức thể hiện ở sự hiểu và khả năng vận dụng kiến thức cơ bản vào thực tiễn. Đồng thời kiểm tra hệ thống kỹ năng cần thiết, kiểm tra nhận thức, thái độ và góp phần phát triển tình cảm nghề nghiệp.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4.

Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1.

(2). Điểm kiểm định kỳ: Hệ số 2.

→ Điểm TB điểm kiểm tra = [Điểm hệ số 1 + (Điểm hệ số 2 x 2) / tổng hệ số

Điểm TB điểm kiểm tra đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 5.0 trở lên.

* **Điểm thi kết thúc môn:**

Trọng số 0,6

*** Cách tính điểm TB môn:**

Điểm TB môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6.

→ Điểm Tb môn = [Điểm TB điểm kiểm tra x 0,4] + [Điểm thi kết thúc môn x 0,6]

Điểm TB môn học đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 5.0 trở lên.

Ghi chú: Học sinh sinh viên (HSSV) được dự thi kết thúc môn học, khi bảo đảm các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học;
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Học sinh phải học hết chương trình đào tạo ngành Dược sỹ và tích lũy đủ số học phần trong chương trình mới được thi tốt nghiệp. Khoa Y Dược có trách nhiệm tổ chức ôn và thi tốt nghiệp theo quy định của Nhà trường.

Căn cứ vào kết quả hoàn thành chương trình đào tạo của học sinh, Nhà trường xét đủ điều kiện quyết định công nhận tốt nghiệp cho học sinh. Căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp, Nhà trường cấp bằng tốt nghiệp cho học sinh.

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Lương Kim Anh

SƠ ĐỒ MÔ HÌNH HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Dược

Mã ngành: 5720201



